

Số 37/2025/BC-TĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Việc bán nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua tại
Dự án nhà ở xã hội số 02 tại Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố
Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang và phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh).
(Trước khi thực hiện bán nhà ở xã hội)

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH

ĐẾN Số:.....
Ngày: 28/10/25

Chuyên:..... Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Số và ký hiệu HS:..... Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số Điều Luật Nhà ở;

Căn cứ Hướng dẫn số 3388/SXD-QLN ngày 10/10/2024 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung quy định về trình tự, thủ tục mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh);

Căn cứ Văn bản số 3124/SXD-QLN ngày 23/10/2025 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội số 02 tại khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang và phường Tân Tiến tỉnh Bắc Ninh).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô báo cáo và đề nghị Sở Xây dựng đăng tải, công bố công khai tại Cổng Thông tin điện tử của Sở Xây dựng về việc bán nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội số 02 tại khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang và phường Tân Tiến tỉnh Bắc Ninh) như sau:

1. Tên dự án: Khu nhà ở xã hội số 02 tại khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang và phường Tân Tiến tỉnh Bắc Ninh).

Tên giao dịch thương mại: EcoHome Sông Thương.



2. Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô.

3. Địa điểm xây dựng dự án: Lô đất B-OXH-2 thuộc Quy hoạch chi tiết khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang; địa phận phường Tân Tiến và phường Đình Kê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (*nay là phường Bắc Giang và phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh*).

4. Địa chỉ liên lạc, địa chỉ nộp đơn đăng ký:

- Lô A-LK38-13, khu số 2, khu đô thị phía Nam, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh (đối diện Tháp đồng hồ và UBND thành phố Bắc Ninh).

- Số điện thoại liên hệ: 0963.919.186

5. Tiến độ thực hiện dự án:

- Thời gian bắt đầu khởi công: 08/03/2025.

- Thời gian hoàn thành dự kiến: Quý III/2026.

6. Quy mô dự án:

Dự án được đầu tư xây dựng trên lô đất (B-OXH-2) có tổng diện tích khoảng 12.070ha thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (*nay là tỉnh Bắc Ninh*).

Các hạng mục công trình thực hiện trong khu đất của dự án gồm: Nhà ở xã hội và nhà ở thương mại cao tầng; hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (sân, đường nội bộ, cây xanh cảnh quan) nằm trong phạm vi ranh giới dự án hoàn chỉnh, đồng bộ, cụ thể:

- Xây dựng 03 công trình nhà ở, với tổng diện tích xây dựng khoảng 4.597 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 95.102,6 m². Trong đó: Nhà ở xã hội (02 tòa) xây dựng trên phần diện tích đất khoảng 9.656m², diện tích xây dựng khoảng 3.638 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 74.566,3 m², cao 19 tầng (01 tầng hầm chung 2 tòa) số căn hộ nhà ở xã hội 1032 căn; nhà ở thương mại (01 tòa) xây dựng trên diện tích đất khoảng 2.414m² (tương đương 20% diện tích đất ở của cả dự án), diện tích xây dựng khoảng 959m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 20.536,3m² cao 19 tầng (02 tầng hầm), số căn hộ 233 căn. Các không gian chức năng trong các tòa nhà gồm: Các căn hộ ở; căn hộ ở & TMDV; không gian sinh hoạt cộng đồng; không gian để xe; các không gian công cộng, kỹ thuật phục vụ chung tòa nhà. Hệ thống kỹ thuật công trình gồm: Hệ thống điện, chống sét, chiếu sáng; hệ thống thông tin truyền thông; hệ thống thu gom rác; hệ thống thông gió; hệ thống cấp nước và thoát nước; hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Các hạng mục hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc) và sân vườn cảnh quan trong phạm vi lô đất B-OXH-2 hoàn chỉnh đồng bộ.

7. Số lượng căn hộ bán:

Số căn hộ nhà ở xã hội để bán: 827 (căn)

8. Diện tích từng căn hộ: Có phụ lục kèm theo



9. Giá bán căn hộ:

Theo thông báo số 3099/SXD-QLN ngày 23/10/2025 của Sở Xây dựng về việc công bố công khai giá bán nhà ở xã hội tại Dự án Khu nhà ở xã hội số 02 tại Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang và phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh) với nội dung chính như sau:

Giá bán căn hộ nhà ở xã hội: **18.918.026 đồng/m²** (Mười tám triệu, chín trăm mười tám nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng trên một mét vuông sử dụng); (giá bán đã bao gồm VAT, chưa bao gồm kinh phí bảo trì và chưa tính hệ số điều chỉnh giá bán đối với phân diện tích thứ i-Ki).

10. Việc thực hiện quy định về điều kiện được kinh doanh nhà ở tại dự án:

Văn bản số 3124/SXD-QLN ngày 23/10/2025 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội số 02 tại khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang và phường Tân Tiến tỉnh Bắc Ninh).

11. Thời gian bắt đầu và kết thúc nhận hồ sơ đăng ký:

- Thời gian dự kiến bắt đầu nhận hồ sơ đăng ký: từ 10/11/2025 vào các ngày trong tuần (không bao gồm Chủ nhật).

+ Sáng: từ 08h30' đến 11h30'.

+ Chiều: từ 13h30' đến 16h30'.

- Thời gian dự kiến kết thúc nhận hồ sơ đăng ký: 11/12/2025.

12. Thời gian dự kiến bán:

Từ ngày 12/12/2025.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô trân trọng báo cáo Sở Xây dựng để biết và đăng tải thông tin dự án theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND phường Bắc Giang;
- UBND phường Tân Tiến;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Công Tường

PHỤ LỤC I - DANH SÁCH 429 CĂN HỘ NHÀ Ở XÃ HỘI HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI TÒA NOXH 1 (E1)

(Kèm theo Báo cáo số 971 /2025/BC-TĐ ngày 28/10/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô)

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (Ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Ki) (Đã gồm VAT)
1	NOXH 1	1	01	E1-0101	CH1	61,2	NOXH bán	1,077	20.374.714
2	NOXH 1	1	02	E1-0102	CH2	44,5	NOXH bán	1,066	20.166.616
3	NOXH 1	1	03	E1-0103	CH3	45,1	NOXH bán	1,077	20.374.714
4	NOXH 1	1	04	E1-0104	CH4	45,1	NOXH bán	1,077	20.374.714
5	NOXH 1	1	05	E1-0105	CH5	62,2	NOXH bán	1,099	20.790.911
6	NOXH 1	1	06	E1-0106	CH6	59,1	NOXH bán	1,121	21.207.107
7	NOXH 1	1	07	E1-0107	CH7	45	NOXH bán	1,099	20.790.911
8	NOXH 1	1	08	E1-0108	CH8	45	NOXH bán	1,115	21.093.599
9	NOXH 1	1	10	E1-0110	CH10	40,1	NOXH bán	1,077	20.374.714
10	NOXH 1	1	11	E1-0111	CH11	40,2	NOXH bán	1,088	20.582.812
11	NOXH 1	1	12	E1-0112	CH12	54,4	NOXH bán	1,099	20.790.911
12	NOXH 1	1	12A	E1-112A	CH13	31,2	NOXH bán	1,104	20.885.501
13	NOXH 1	1	12B	E1-112B	CH14	40,2	NOXH bán	1,104	20.885.501
14	NOXH 1	1	15	E1-0115	CH15	39,9	NOXH bán	1,088	20.582.812
15	NOXH 1	1	16	E1-0116	CH16	58,2	NOXH bán	1,121	21.207.107
16	NOXH 1	1	17	E1-0117	CH17	61,4	NOXH bán	1,099	20.790.911
17	NOXH 1	1	18	E1-0118	CH18	44,8	NOXH bán	1,077	20.374.714
18	NOXH 1	1	19	E1-0119	CH19	45	NOXH bán	1,077	20.374.714
19	NOXH 1	1	20	E1-0120	CH20	61,1	NOXH bán	1,088	20.582.812
20	NOXH 1	1	21	E1-0121	CH21	57,3	NOXH bán	1,077	20.374.714
21	NOXH 1	1	22	E1-0122	CH22	44,8	NOXH bán	1,077	20.374.714
22	NOXH 1	1	23	E1-0123	CH23	45	NOXH bán	1,077	20.374.714
23	NOXH 1	1	24	E1-0124	CH24	61	NOXH bán	1,088	20.582.812
24	NOXH 1	1	25	E1-0125	CH25	45	NOXH bán	1,066	20.166.616
25	NOXH 1	1	26	E1-0126	CH26	45,1	NOXH bán	1,077	20.374.714
26	NOXH 1	1	27	E1-0127	CH27	61,1	NOXH bán	1,077	20.374.714
27	NOXH 1	1	28	E1-0128	CH28	62,4	NOXH bán	1,099	20.790.911
28	NOXH 1	2	01	E1-0201	CH1	61,7	NOXH bán	0,959	18.142.387
29	NOXH 1	2	02	E1-0202	CH2	44,8	NOXH bán	0,950	17.972.125
30	NOXH 1	2	03	E1-0203	CH3	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305
31	NOXH 1	2	04	E1-0204	CH4	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305
32	NOXH 1	2	05	E1-0205	CH5	62,5	NOXH bán	0,979	18.520.747
33	NOXH 1	2	06	E1-0206	CH6	59,4	NOXH bán	0,999	18.899.108
34	NOXH 1	2	07	E1-0207	CH7	45,2	NOXH bán	0,979	18.520.747
35	NOXH 1	2	08	E1-0208	CH8	45,1	NOXH bán	0,994	18.804.518
36	NOXH 1	2	09	E1-0209	CH9	54,5	NOXH bán	0,969	18.331.567
37	NOXH 1	2	10	E1-0210	CH10	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
38	NOXH 1	2	11	E1-0211	CH11	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
39	NOXH 1	2	12	E1-0212	CH12	54,5	NOXH bán	0,979	18.520.747
40	NOXH 1	2	12A	E1-212A	CH13	31,7	NOXH bán	0,984	18.615.338
41	NOXH 1	2	12B	E1-212B	CH14	40,3	NOXH bán	0,984	18.615.338
42	NOXH 1	2	15	E1-0215	CH15	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
43	NOXH 1	2	16	E1-0216	CH16	58,7	NOXH bán	0,999	18.899.108
44	NOXH 1	2	17	E1-0217	CH17	61,8	NOXH bán	0,979	18.520.747
45	NOXH 1	2	18	E1-0218	CH18	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305
46	NOXH 1	2	19	E1-0219	CH19	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305
47	NOXH 1	2	20	E1-0220	CH20	61,4	NOXH bán	0,969	18.331.567
48	NOXH 1	2	21	E1-0221	CH21	46,4	NOXH bán	0,960	18.161.305
49	NOXH 1	2	22	E1-0222	CH22	45,1	NOXH bán	0,960	18.161.305
50	NOXH 1	2	23	E1-0223	CH23	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305
51	NOXH 1	2	24	E1-0224	CH24	61,5	NOXH bán	0,969	18.331.567
52	NOXH 1	2	25	E1-0225	CH25	45,2	NOXH bán	0,950	17.972.125
53	NOXH 1	2	26	E1-0226	CH26	45,2	NOXH bán	0,950	17.972.125
54	NOXH 1	2	27	E1-0227	CH27	61,4	NOXH bán	0,959	18.142.387
55	NOXH 1	2	28	E1-0228	CH28	62,8	NOXH bán	0,979	18.520.747
56	NOXH 1	3	02	E1-0302	CH2	44,8	NOXH bán	0,950	17.972.125
57	NOXH 1	3	03	E1-0303	CH3	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305
58	NOXH 1	3	05	E1-0305	CH5	62,5	NOXH bán	0,979	18.520.747
59	NOXH 1	3	08	E1-0308	CH8	45,1	NOXH bán	0,994	18.804.518
60	NOXH 1	3	09	E1-0309	CH9	54,5	NOXH bán	0,969	18.331.567
61	NOXH 1	3	10	E1-0310	CH10	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
62	NOXH 1	3	11	E1-0311	CH11	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
63	NOXH 1	3	12	E1-0312	CH12	54,5	NOXH bán	0,979	18.520.747
64	NOXH 1	3	15	E1-0315	CH15	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
65	NOXH 1	3	16	E1-0316	CH16	58,7	NOXH bán	0,999	18.899.108
66	NOXH 1	3	18	E1-0318	CH18	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305
67	NOXH 1	3	19	E1-0319	CH19	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305
68	NOXH 1	3	20	E1-0320	CH20	61,4	NOXH bán	0,969	18.331.567
69	NOXH 1	3	21	E1-0321	CH21	46,4	NOXH bán	0,960	18.161.305
70	NOXH 1	3	22	E1-0322	CH22	45,1	NOXH bán	0,960	18.161.305
71	NOXH 1	3	23	E1-0323	CH23	45,2	NOXH bán	0,960	18.161.305

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí (ki)	Giá bán điều chỉnh tại vị trí (ki) (Đã gồm VAT)
72	NOXH 1	3	24	E1-0324	CH24	61,5	NOXH bđn	0,969	18.331.567
73	NOXH 1	3	25	E1-0325	CH25	45,2	NOXH bđn	0,950	17.972.125
74	NOXH 1	3	26	E1-0326	CH26	45,2	NOXH bđn	0,950	17.972.125
75	NOXH 1	3	28	E1-0328	CH28	62,8	NOXH bđn	0,979	18.520.747
76	NOXH 1	4	02	E1-0402	CH2	44,8	NOXH bđn	0,950	17.972.125
77	NOXH 1	4	03	E1-0403	CH3	45,2	NOXH bđn	0,960	18.161.305
78	NOXH 1	4	05	E1-0405	CH5	62,5	NOXH bđn	0,979	18.520.747
79	NOXH 1	4	06	E1-0406	CH6	59,4	NOXH bđn	0,999	18.899.108
80	NOXH 1	4	08	E1-0408	CH8	45,1	NOXH bđn	0,994	18.804.518
81	NOXH 1	4	10	E1-0410	CH10	40,2	NOXH bđn	0,969	18.331.567
82	NOXH 1	4	11	E1-0411	CH11	40,2	NOXH bđn	0,969	18.331.567
83	NOXH 1	4	15	E1-0415	CH15	40,2	NOXH bđn	0,969	18.331.567
84	NOXH 1	4	18	E1-0418	CH18	45,2	NOXH bđn	0,960	18.161.305
85	NOXH 1	4	19	E1-0419	CH19	45,2	NOXH bđn	0,960	18.161.305
86	NOXH 1	4	20	E1-0420	CH20	61,4	NOXH bđn	0,969	18.331.567
87	NOXH 1	4	21	E1-0421	CH21	46,4	NOXH bđn	0,960	18.161.305
88	NOXH 1	4	22	E1-0422	CH22	45,1	NOXH bđn	0,960	18.161.305
89	NOXH 1	4	23	E1-0423	CH23	45,2	NOXH bđn	0,960	18.161.305
90	NOXH 1	4	24	E1-0424	CH24	61,5	NOXH bđn	0,969	18.331.567
91	NOXH 1	4	25	E1-0425	CH25	45,2	NOXH bđn	0,950	17.972.125
92	NOXH 1	4	26	E1-0426	CH26	45,2	NOXH bđn	0,950	17.972.125
93	NOXH 1	4	28	E1-0428	CH28	62,8	NOXH bđn	0,979	18.520.747
94	NOXH 1	5	02	E1-0502	CH2	44,8	NOXH bđn	0,960	18.161.305
95	NOXH 1	5	03	E1-0503	CH3	45,2	NOXH bđn	0,969	18.331.567
96	NOXH 1	5	05	E1-0505	CH5	62,5	NOXH bđn	0,989	18.709.928
97	NOXH 1	5	06	E1-0506	CH6	59,4	NOXH bđn	1,009	19.088.288
98	NOXH 1	5	08	E1-0508	CH8	45,1	NOXH bđn	1,004	18.993.698
99	NOXH 1	5	09	E1-0509	CH9	54,5	NOXH bđn	0,979	18.520.747
100	NOXH 1	5	10	E1-0510	CH10	40,2	NOXH bđn	0,979	18.520.747
101	NOXH 1	5	11	E1-0511	CH11	40,2	NOXH bđn	0,979	18.520.747
102	NOXH 1	5	12	E1-0512	CH12	54,5	NOXH bđn	0,989	18.709.928
103	NOXH 1	5	15	E1-0515	CH15	40,2	NOXH bđn	0,979	18.520.747
104	NOXH 1	5	16	E1-0516	CH16	58,7	NOXH bđn	1,009	19.088.288
105	NOXH 1	5	17	E1-0517	CH17	61,8	NOXH bđn	0,989	18.709.928
106	NOXH 1	5	18	E1-0518	CH18	45,2	NOXH bđn	0,969	18.331.567
107	NOXH 1	5	19	E1-0519	CH19	45,2	NOXH bđn	0,969	18.331.567
108	NOXH 1	5	20	E1-0520	CH20	61,4	NOXH bđn	0,979	18.520.747
109	NOXH 1	5	21	E1-0521	CH21	46,4	NOXH bđn	0,969	18.331.567
110	NOXH 1	5	22	E1-0522	CH22	45,1	NOXH bđn	0,969	18.331.567
111	NOXH 1	5	23	E1-0523	CH23	45,2	NOXH bđn	0,969	18.331.567
112	NOXH 1	5	24	E1-0524	CH24	61,5	NOXH bđn	0,979	18.520.747
113	NOXH 1	5	25	E1-0525	CH25	45,2	NOXH bđn	0,960	18.161.305
114	NOXH 1	5	26	E1-0526	CH26	45,2	NOXH bđn	0,960	18.161.305
115	NOXH 1	5	28	E1-0528	CH28	62,8	NOXH bđn	0,989	18.709.928
116	NOXH 1	6	02	E1-0602	CH2	44,8	NOXH bđn	0,989	18.709.928
117	NOXH 1	6	03	E1-0603	CH3	45,2	NOXH bđn	0,999	18.899.108
118	NOXH 1	6	05	E1-0605	CH5	62,5	NOXH bđn	1,019	19.277.468
119	NOXH 1	6	06	E1-0606	CH6	59,4	NOXH bđn	1,009	19.088.288
120	NOXH 1	6	08	E1-0608	CH8	45,1	NOXH bđn	1,004	18.993.698
121	NOXH 1	6	09	E1-0609	CH9	54,5	NOXH bđn	0,979	18.520.747
122	NOXH 1	6	10	E1-0610	CH10	40,2	NOXH bđn	0,979	18.520.747
123	NOXH 1	6	11	E1-0611	CH11	40,2	NOXH bđn	0,979	18.520.747
124	NOXH 1	6	12	E1-0612	CH12	54,5	NOXH bđn	0,989	18.709.928
125	NOXH 1	6	12A	E1-612A	CH13	31,7	NOXH bđn	0,994	18.804.518
126	NOXH 1	6	12B	E1-612B	CH14	40,3	NOXH bđn	0,994	18.804.518
127	NOXH 1	6	15	E1-0615	CH15	40,2	NOXH bđn	0,979	18.520.747
128	NOXH 1	6	16	E1-0616	CH16	58,7	NOXH bđn	1,009	19.088.288
129	NOXH 1	6	17	E1-0617	CH17	61,8	NOXH bđn	0,989	18.709.928
130	NOXH 1	6	18	E1-0618	CH18	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709.928
131	NOXH 1	6	19	E1-0619	CH19	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709.928
132	NOXH 1	6	20	E1-0620	CH20	61,4	NOXH bđn	0,999	18.899.108
133	NOXH 1	6	21	E1-0621	CH21	46,4	NOXH bđn	0,989	18.709.928
134	NOXH 1	6	22	E1-0622	CH22	45,1	NOXH bđn	0,989	18.709.928
135	NOXH 1	6	23	E1-0623	CH23	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709.928
136	NOXH 1	6	24	E1-0624	CH24	61,5	NOXH bđn	0,999	18.899.108
137	NOXH 1	6	25	E1-0625	CH25	45,2	NOXH bđn	0,979	18.520.747
138	NOXH 1	6	26	E1-0626	CH26	45,2	NOXH bđn	0,979	18.520.747
139	NOXH 1	6	28	E1-0628	CH28	62,8	NOXH bđn	1,009	19.088.288
140	NOXH 1	7	02	E1-0702	CH2	44,8	NOXH bđn	0,999	18.899.108
141	NOXH 1	7	03	E1-0703	CH3	45,2	NOXH bđn	1,009	19.088.288
142	NOXH 1	7	05	E1-0705	CH5	62,5	NOXH bđn	1,029	19.466.649
143	NOXH 1	7	08	E1-0708	CH8	45,1	NOXH bđn	1,014	19.182.878
144	NOXH 1	7	09	E1-0709	CH9	54,5	NOXH bđn	0,989	18.709.928
145	NOXH 1	7	10	E1-0710	CH10	40,2	NOXH bđn	0,989	18.709.928
146	NOXH 1	7	11	E1-0711	CH11	40,2	NOXH bđn	0,989	18.709.928
147	NOXH 1	7	12	E1-0712	CH12	54,5	NOXH bđn	0,999	18.899.108

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (Ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Ki) (Đã gồm VAT)
148	NOXH 1	7	15	E1-0715	CH15	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
149	NOXH 1	7	17	E1-0717	CH17	61,8	NOXH bán	0,999	18.899.108
150	NOXH 1	7	18	E1-0718	CH18	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
151	NOXH 1	7	19	E1-0719	CH19	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
152	NOXH 1	7	20	E1-0720	CH20	61,4	NOXH bán	1,009	19.088.288
153	NOXH 1	7	21	E1-0721	CH21	46,4	NOXH bán	0,999	18.899.108
154	NOXH 1	7	22	E1-0722	CH22	45,1	NOXH bán	0,999	18.899.108
155	NOXH 1	7	23	E1-0723	CH23	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
156	NOXH 1	7	25	E1-0725	CH25	45,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
157	NOXH 1	7	26	E1-0726	CH26	45,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
158	NOXH 1	7	27	E1-0727	CH27	61,4	NOXH bán	0,999	18.899.108
159	NOXH 1	7	28	E1-0728	CH28	62,8	NOXH bán	1,019	19.277.468
160	NOXH 1	8	02	E1-0802	CH2	44,8	NOXH bán	0,999	18.899.108
161	NOXH 1	8	03	E1-0803	CH3	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
162	NOXH 1	8	05	E1-0805	CH5	62,5	NOXH bán	1,029	19.466.649
163	NOXH 1	8	06	E1-0806	CH6	59,4	NOXH bán	1,019	19.277.468
164	NOXH 1	8	08	E1-0808	CH8	45,1	NOXH bán	1,014	19.182.878
165	NOXH 1	8	09	E1-0809	CH9	54,5	NOXH bán	0,989	18.709.928
166	NOXH 1	8	10	E1-0810	CH10	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
167	NOXH 1	8	11	E1-0811	CH11	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
168	NOXH 1	8	12	E1-0812	CH12	54,5	NOXH bán	0,999	18.899.108
169	NOXH 1	8	12A	E1-812A	CH13	31,7	NOXH bán	1,004	18.993.698
170	NOXH 1	8	12B	E1-812B	CH14	40,3	NOXH bán	1,004	18.993.698
171	NOXH 1	8	15	E1-0815	CH15	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
172	NOXH 1	8	16	E1-0816	CH16	58,7	NOXH bán	1,019	19.277.468
173	NOXH 1	8	18	E1-0818	CH18	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
174	NOXH 1	8	19	E1-0819	CH19	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
175	NOXH 1	8	20	E1-0820	CH20	61,4	NOXH bán	1,009	19.088.288
176	NOXH 1	8	21	E1-0821	CH21	46,4	NOXH bán	0,999	18.899.108
177	NOXH 1	8	22	E1-0822	CH22	45,1	NOXH bán	0,999	18.899.108
178	NOXH 1	8	23	E1-0823	CH23	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
179	NOXH 1	8	24	E1-0824	CH24	61,5	NOXH bán	1,009	19.088.288
180	NOXH 1	8	25	E1-0825	CH25	45,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
181	NOXH 1	8	26	E1-0826	CH26	45,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
182	NOXH 1	8	27	E1-0827	CH27	61,4	NOXH bán	0,999	18.899.108
183	NOXH 1	8	28	E1-0828	CH28	62,8	NOXH bán	1,019	19.277.468
184	NOXH 1	9	02	E1-0902	CH2	44,8	NOXH bán	0,999	18.899.108
185	NOXH 1	9	03	E1-0903	CH3	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
186	NOXH 1	9	05	E1-0905	CH5	62,5	NOXH bán	1,029	19.466.649
187	NOXH 1	9	06	E1-0906	CH6	59,4	NOXH bán	1,019	19.277.468
188	NOXH 1	9	08	E1-0908	CH8	45,1	NOXH bán	1,014	19.182.878
189	NOXH 1	9	09	E1-0909	CH9	54,5	NOXH bán	0,989	18.709.928
190	NOXH 1	9	10	E1-0910	CH10	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
191	NOXH 1	9	11	E1-0911	CH11	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
192	NOXH 1	9	12	E1-0912	CH12	54,5	NOXH bán	0,999	18.899.108
193	NOXH 1	9	12A	E1-912A	CH13	31,7	NOXH bán	1,004	18.993.698
194	NOXH 1	9	12B	E1-912B	CH14	40,3	NOXH bán	1,004	18.993.698
195	NOXH 1	9	15	E1-0915	CH15	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
196	NOXH 1	9	16	E1-0916	CH16	58,7	NOXH bán	1,019	19.277.468
197	NOXH 1	9	18	E1-0918	CH18	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
198	NOXH 1	9	19	E1-0919	CH19	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
199	NOXH 1	9	20	E1-0920	CH20	61,4	NOXH bán	1,009	19.088.288
200	NOXH 1	9	21	E1-0921	CH21	46,4	NOXH bán	0,999	18.899.108
201	NOXH 1	9	22	E1-0922	CH22	45,1	NOXH bán	0,999	18.899.108
202	NOXH 1	9	23	E1-0923	CH23	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
203	NOXH 1	9	24	E1-0924	CH24	61,5	NOXH bán	1,009	19.088.288
204	NOXH 1	9	25	E1-0925	CH25	45,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
205	NOXH 1	9	26	E1-0926	CH26	45,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
206	NOXH 1	9	27	E1-0927	CH27	61,4	NOXH bán	0,999	18.899.108
207	NOXH 1	9	28	E1-0928	CH28	62,8	NOXH bán	1,019	19.277.468
208	NOXH 1	10	02	E1-1002	CH2	44,8	NOXH bán	0,999	18.899.108
209	NOXH 1	10	03	E1-1003	CH3	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
210	NOXH 1	10	05	E1-1005	CH5	62,5	NOXH bán	1,029	19.466.649
211	NOXH 1	10	06	E1-1006	CH6	59,4	NOXH bán	1,019	19.277.468
212	NOXH 1	10	08	E1-1008	CH8	45,1	NOXH bán	1,014	19.182.878
213	NOXH 1	10	09	E1-1009	CH9	54,5	NOXH bán	0,989	18.709.928
214	NOXH 1	10	10	E1-1010	CH10	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
215	NOXH 1	10	11	E1-1011	CH11	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
216	NOXH 1	10	12	E1-1012	CH12	54,5	NOXH bán	0,999	18.899.108
217	NOXH 1	10	12A	E1-1012A	CH13	31,7	NOXH bán	1,004	18.993.698
218	NOXH 1	10	12B	E1-1012B	CH14	40,3	NOXH bán	1,004	18.993.698
219	NOXH 1	10	15	E1-1015	CH15	40,2	NOXH bán	0,989	18.709.928
220	NOXH 1	10	16	E1-1016	CH16	58,7	NOXH bán	1,019	19.277.468
221	NOXH 1	10	18	E1-1018	CH18	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
222	NOXH 1	10	19	E1-1019	CH19	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
223	NOXH 1	10	20	E1-1020	CH20	61,4	NOXH bán	1,009	19.088.288

015908
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ
HƯỚNG N
THỦ Đ
H PHỐ Y

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí (ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí (ki) (Bà gồm VAT)
224	NOXH 1	10	21	E1-1021	CH21	46,4	NOXH bđn	0,999	18.899,108
225	NOXH 1	10	22	E1-1022	CH22	45,1	NOXH bđn	0,999	18.899,108
226	NOXH 1	10	23	E1-1023	CH23	45,2	NOXH bđn	0,999	18.899,108
227	NOXH 1	10	24	E1-1024	CH24	61,5	NOXH bđn	1,009	19.088,288
228	NOXH 1	10	25	E1-1025	CH25	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
229	NOXH 1	10	26	E1-1026	CH26	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
230	NOXH 1	10	27	E1-1027	CH27	61,4	NOXH bđn	0,999	18.899,108
231	NOXH 1	10	28	E1-1028	CH28	62,8	NOXH bđn	1,019	19.277,468
232	NOXH 1	11	02	E1-1102	CH2	44,8	NOXH bđn	0,999	18.899,108
233	NOXH 1	11	03	E1-1103	CH3	45,2	NOXH bđn	1,009	19.088,288
234	NOXH 1	11	05	E1-1105	CH5	62,5	NOXH bđn	1,029	19.466,649
235	NOXH 1	11	06	E1-1106	CH6	59,4	NOXH bđn	1,019	19.277,468
236	NOXH 1	11	08	E1-1108	CH8	45,1	NOXH bđn	1,014	19.182,878
237	NOXH 1	11	09	E1-1109	CH9	54,5	NOXH bđn	0,989	18.709,928
238	NOXH 1	11	10	E1-1110	CH10	40,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
239	NOXH 1	11	11	E1-1111	CH11	40,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
240	NOXH 1	11	12	E1-1112	CH12	54,5	NOXH bđn	0,999	18.899,108
241	NOXH 1	11	12A	E1-1112A	CH13	31,7	NOXH bđn	1,004	18.993,698
242	NOXH 1	11	12B	E1-1112B	CH14	40,3	NOXH bđn	1,004	18.993,698
243	NOXH 1	11	15	E1-1115	CH15	40,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
244	NOXH 1	11	16	E1-1116	CH16	58,7	NOXH bđn	1,019	19.277,468
245	NOXH 1	11	18	E1-1118	CH18	45,2	NOXH bđn	0,999	18.899,108
246	NOXH 1	11	19	E1-1119	CH19	45,2	NOXH bđn	0,999	18.899,108
247	NOXH 1	11	20	E1-1120	CH20	61,4	NOXH bđn	1,009	19.088,288
248	NOXH 1	11	21	E1-1121	CH21	46,4	NOXH bđn	0,999	18.899,108
249	NOXH 1	11	22	E1-1122	CH22	45,1	NOXH bđn	0,999	18.899,108
250	NOXH 1	11	23	E1-1123	CH23	45,2	NOXH bđn	0,999	18.899,108
251	NOXH 1	11	24	E1-1124	CH24	61,5	NOXH bđn	1,009	19.088,288
252	NOXH 1	11	25	E1-1125	CH25	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
253	NOXH 1	11	26	E1-1126	CH26	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
254	NOXH 1	11	27	E1-1127	CH27	61,4	NOXH bđn	0,999	18.899,108
255	NOXH 1	11	28	E1-1128	CH28	62,8	NOXH bđn	1,019	19.277,468
256	NOXH 1	12	02	E1-1202	CH2	44,8	NOXH bđn	0,999	18.899,108
257	NOXH 1	12	03	E1-1203	CH3	45,2	NOXH bđn	1,009	19.088,288
258	NOXH 1	12	05	E1-1205	CH5	62,5	NOXH bđn	1,029	19.466,649
259	NOXH 1	12	06	E1-1206	CH6	59,4	NOXH bđn	1,019	19.277,468
260	NOXH 1	12	08	E1-1208	CH8	45,1	NOXH bđn	1,014	19.182,878
261	NOXH 1	12	09	E1-1209	CH9	54,5	NOXH bđn	0,989	18.709,928
262	NOXH 1	12	10	E1-1210	CH10	40,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
263	NOXH 1	12	11	E1-1211	CH11	40,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
264	NOXH 1	12	12	E1-1212	CH12	54,5	NOXH bđn	0,999	18.899,108
265	NOXH 1	12A	12A	E1-1212A	CH13	31,7	NOXH bđn	1,004	18.993,698
266	NOXH 1	12	12B	E1-1212B	CH14	40,3	NOXH bđn	1,004	18.993,698
267	NOXH 1	12	15	E1-1215	CH15	40,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
268	NOXH 1	12	16	E1-1216	CH16	58,7	NOXH bđn	1,019	19.277,468
269	NOXH 1	12	18	E1-1218	CH18	45,2	NOXH bđn	0,999	18.899,108
270	NOXH 1	12	19	E1-1219	CH19	45,2	NOXH bđn	0,999	18.899,108
271	NOXH 1	12	20	E1-1220	CH20	61,4	NOXH bđn	1,009	19.088,288
272	NOXH 1	12	21	E1-1221	CH21	46,4	NOXH bđn	0,999	18.899,108
273	NOXH 1	12	22	E1-1222	CH22	45,1	NOXH bđn	0,999	18.899,108
274	NOXH 1	12	23	E1-1223	CH23	45,2	NOXH bđn	0,999	18.899,108
275	NOXH 1	12	24	E1-1224	CH24	61,5	NOXH bđn	1,009	19.088,288
276	NOXH 1	12	25	E1-1225	CH25	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
277	NOXH 1	12	26	E1-1226	CH26	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
278	NOXH 1	12	27	E1-1227	CH27	61,4	NOXH bđn	0,999	18.899,108
279	NOXH 1	12	28	E1-1228	CH28	62,8	NOXH bđn	1,019	19.277,468
280	NOXH 1	12A	02	E1-12A02	CH2	44,8	NOXH bđn	0,979	18.520,747
281	NOXH 1	12A	03	E1-12A03	CH3	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928
282	NOXH 1	12A	05	E1-12A05	CH5	62,5	NOXH bđn	1,009	19.088,288
283	NOXH 1	12A	08	E1-12A08	CH8	45,1	NOXH bđn	0,994	18.804,518
284	NOXH 1	12A	10	E1-12A10	CH10	40,2	NOXH bđn	0,969	18.331,567
285	NOXH 1	12A	11	E1-12A11	CH11	40,2	NOXH bđn	0,969	18.331,567
286	NOXH 1	12A	12	E1-12A12	CH12	54,5	NOXH bđn	0,979	18.520,747
287	NOXH 1	12A	15	E1-12A15	CH15	40,2	NOXH bđn	0,969	18.331,567
288	NOXH 1	12A	18	E1-12A18	CH18	45,2	NOXH bđn	0,979	18.520,747
289	NOXH 1	12A	19	E1-12A19	CH19	45,2	NOXH bđn	0,979	18.520,747
290	NOXH 1	12A	21	E1-12A21	CH21	46,4	NOXH bđn	0,979	18.520,747
291	NOXH 1	12A	22	E1-12A22	CH22	45,1	NOXH bđn	0,979	18.520,747
292	NOXH 1	12A	23	E1-12A23	CH23	45,2	NOXH bđn	0,979	18.520,747
293	NOXH 1	12A	24	E1-12A24	CH24	61,5	NOXH bđn	0,989	18.709,928
294	NOXH 1	12A	25	E1-12A25	CH25	45,2	NOXH bđn	0,969	18.331,567
295	NOXH 1	12A	26	E1-12A26	CH26	45,2	NOXH bđn	0,969	18.331,567
296	NOXH 1	12A	27	E1-12A27	CH27	61,4	NOXH bđn	0,979	18.520,747
297	NOXH 1	12A	28	E1-12A28	CH28	62,8	NOXH bđn	0,999	18.899,108
298	NOXH 1	12B	02	E1-12B02	CH2	44,8	NOXH bđn	0,979	18.520,747
299	NOXH 1	12B	03	E1-12B03	CH3	45,2	NOXH bđn	0,989	18.709,928

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (Ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Ki) (Đã gồm VAT)
300	NOXH 1	12B	06	E1-12B06	CH6	59,4	NOXH bán	0,999	18.899.108
301	NOXH 1	12B	08	E1-12B08	CH8	45,1	NOXH bán	0,994	18.804.518
302	NOXH 1	12B	10	E1-12B10	CH10	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
303	NOXH 1	12B	11	E1-12B11	CH11	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
304	NOXH 1	12B	12	E1-12B12	CH12	54,5	NOXH bán	0,979	18.520.747
305	NOXH 1	12B	15	E1-12B15	CH15	40,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
306	NOXH 1	12B	16	E1-12B16	CH16	58,7	NOXH bán	0,999	18.899.108
307	NOXH 1	12B	18	E1-12B18	CH18	45,2	NOXH bán	0,979	18.520.747
308	NOXH 1	12B	19	E1-12B19	CH19	45,2	NOXH bán	0,979	18.520.747
309	NOXH 1	12B	20	E1-12B20	CH20	61,4	NOXH bán	0,989	18.709.928
310	NOXH 1	12B	21	E1-12B21	CH21	46,4	NOXH bán	0,979	18.520.747
311	NOXH 1	12B	22	E1-12B22	CH22	45,1	NOXH bán	0,979	18.520.747
312	NOXH 1	12B	23	E1-12B23	CH23	45,2	NOXH bán	0,979	18.520.747
313	NOXH 1	12B	24	E1-12B24	CH24	61,5	NOXH bán	0,989	18.709.928
314	NOXH 1	12B	25	E1-12B25	CH25	45,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
315	NOXH 1	12B	26	E1-12B26	CH26	45,2	NOXH bán	0,969	18.331.567
316	NOXH 1	12B	27	E1-12B27	CH27	61,4	NOXH bán	0,979	18.520.747
317	NOXH 1	15	02	E1-1502	CH2	44,8	NOXH bán	1,009	19.088.288
318	NOXH 1	15	03	E1-1503	CH3	45,2	NOXH bán	1,019	19.277.468
319	NOXH 1	15	05	E1-1505	CH5	62,5	NOXH bán	1,039	19.655.829
320	NOXH 1	15	06	E1-1506	CH6	59,4	NOXH bán	1,029	19.466.649
321	NOXH 1	15	08	E1-1508	CH8	45,1	NOXH bán	1,024	19.372.059
322	NOXH 1	15	09	E1-1509	CH9	54,5	NOXH bán	0,999	18.899.108
323	NOXH 1	15	10	E1-1510	CH10	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
324	NOXH 1	15	11	E1-1511	CH11	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
325	NOXH 1	15	12	E1-1512	CH12	54,5	NOXH bán	1,009	19.088.288
326	NOXH 1	15	12A	E1-1512A	CH13	31,7	NOXH bán	1,014	19.182.878
327	NOXH 1	15	12B	E1-1512B	CH14	40,3	NOXH bán	1,014	19.182.878
328	NOXH 1	15	15	E1-1515	CH15	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
329	NOXH 1	15	16	E1-1516	CH16	58,7	NOXH bán	1,029	19.466.649
330	NOXH 1	15	18	E1-1518	CH18	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
331	NOXH 1	15	19	E1-1519	CH19	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
332	NOXH 1	15	20	E1-1520	CH20	61,4	NOXH bán	1,019	19.277.468
333	NOXH 1	15	21	E1-1521	CH21	46,4	NOXH bán	1,009	19.088.288
334	NOXH 1	15	22	E1-1522	CH22	45,1	NOXH bán	1,009	19.088.288
335	NOXH 1	15	23	E1-1523	CH23	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
336	NOXH 1	15	24	E1-1524	CH24	61,5	NOXH bán	1,019	19.277.468
337	NOXH 1	15	25	E1-1525	CH25	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
338	NOXH 1	15	26	E1-1526	CH26	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
339	NOXH 1	15	27	E1-1527	CH27	61,4	NOXH bán	1,009	19.088.288
340	NOXH 1	15	28	E1-1528	CH28	62,8	NOXH bán	1,029	19.466.649
341	NOXH 1	16	02	E1-1602	CH2	44,8	NOXH bán	1,009	19.088.288
342	NOXH 1	16	03	E1-1603	CH3	45,2	NOXH bán	1,019	19.277.468
343	NOXH 1	16	05	E1-1605	CH5	62,5	NOXH bán	1,039	19.655.829
344	NOXH 1	16	06	E1-1606	CH6	59,4	NOXH bán	1,029	19.466.649
345	NOXH 1	16	08	E1-1608	CH8	45,1	NOXH bán	1,024	19.372.059
346	NOXH 1	16	09	E1-1609	CH9	54,5	NOXH bán	0,999	18.899.108
347	NOXH 1	16	10	E1-1610	CH10	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
348	NOXH 1	16	11	E1-1611	CH11	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
349	NOXH 1	16	12	E1-1612	CH12	54,5	NOXH bán	1,009	19.088.288
350	NOXH 1	16	12A	E1-1612A	CH13	31,7	NOXH bán	1,014	19.182.878
351	NOXH 1	16	12B	E1-1612B	CH14	40,3	NOXH bán	1,014	19.182.878
352	NOXH 1	16	15	E1-1615	CH15	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
353	NOXH 1	16	16	E1-1616	CH16	58,7	NOXH bán	1,029	19.466.649
354	NOXH 1	16	18	E1-1618	CH18	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
355	NOXH 1	16	19	E1-1619	CH19	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
356	NOXH 1	16	20	E1-1620	CH20	61,4	NOXH bán	1,019	19.277.468
357	NOXH 1	16	21	E1-1621	CH21	46,4	NOXH bán	1,009	19.088.288
358	NOXH 1	16	22	E1-1622	CH22	45,1	NOXH bán	1,009	19.088.288
359	NOXH 1	16	23	E1-1623	CH23	45,2	NOXH bán	1,009	19.088.288
360	NOXH 1	16	24	E1-1624	CH24	61,5	NOXH bán	1,019	19.277.468
361	NOXH 1	16	25	E1-1625	CH25	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
362	NOXH 1	16	26	E1-1626	CH26	45,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
363	NOXH 1	16	27	E1-1627	CH27	61,4	NOXH bán	1,009	19.088.288
364	NOXH 1	16	28	E1-1628	CH28	62,8	NOXH bán	1,029	19.466.649
365	NOXH 1	17	02	E1-1702	CH2	44,8	NOXH bán	1,009	19.088.288
366	NOXH 1	17	03	E1-1703	CH3	45,2	NOXH bán	1,019	19.277.468
367	NOXH 1	17	05	E1-1705	CH5	62,5	NOXH bán	1,039	19.655.829
368	NOXH 1	17	06	E1-1706	CH6	59,4	NOXH bán	1,029	19.466.649
369	NOXH 1	17	08	E1-1708	CH8	45,1	NOXH bán	1,024	19.372.059
370	NOXH 1	17	09	E1-1709	CH9	54,5	NOXH bán	0,999	18.899.108
371	NOXH 1	17	10	E1-1710	CH10	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
372	NOXH 1	17	11	E1-1711	CH11	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
373	NOXH 1	17	12	E1-1712	CH12	54,5	NOXH bán	1,009	19.088.288
374	NOXH 1	17	15	E1-1715	CH15	40,2	NOXH bán	0,999	18.899.108
375	NOXH 1	17	16	E1-1716	CH16	58,7	NOXH bán	1,029	19.466.649



STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ 1 (KI)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ 1 (KI) (Bã gồm VAT)
376	NOXH 1	17	18	E1-1718	CH18	45,2	NOXH bán	1,009	19.088,288
377	NOXH 1	17	19	E1-1719	CH19	45,2	NOXH bán	1,009	19.088,288
378	NOXH 1	17	20	E1-1720	CH20	61,4	NOXH bán	1,019	19.277,468
379	NOXH 1	17	21	E1-1721	CH21	46,4	NOXH bán	1,009	19.088,288
380	NOXH 1	17	22	E1-1722	CH22	45,1	NOXH bán	1,009	19.088,288
381	NOXH 1	17	23	E1-1723	CH23	45,2	NOXH bán	1,009	19.088,288
382	NOXH 1	17	24	E1-1724	CH24	61,5	NOXH bán	1,019	19.277,468
383	NOXH 1	17	25	E1-1725	CH25	45,2	NOXH bán	0,999	18.899,108
384	NOXH 1	17	26	E1-1726	CH26	45,2	NOXH bán	0,999	18.899,108
385	NOXH 1	17	27	E1-1727	CH27	61,4	NOXH bán	1,009	19.088,288
386	NOXH 1	17	28	E1-1728	CH28	62,8	NOXH bán	1,029	19.466,649
387	NOXH 1	17	02	E1-1802	CH2	44,8	NOXH bán	1,009	19.088,288
388	NOXH 1	18	03	E1-1803	CH3	45,2	NOXH bán	1,019	19.277,468
389	NOXH 1	18	05	E1-1805	CH5	62,5	NOXH bán	1,039	19.655,829
390	NOXH 1	18	06	E1-1806	CH6	59,4	NOXH bán	1,029	19.466,649
391	NOXH 1	18	08	E1-1808	CH8	45,1	NOXH bán	1,024	19.372,059
392	NOXH 1	18	09	E1-1809	CH9	54,5	NOXH bán	0,999	18.899,108
393	NOXH 1	18	10	E1-1810	CH10	40,2	NOXH bán	0,999	18.899,108
394	NOXH 1	18	11	E1-1811	CH11	40,2	NOXH bán	0,999	18.899,108
395	NOXH 1	18	12	E1-1812	CH12	54,5	NOXH bán	1,009	19.088,288
396	NOXH 1	18	12A	E1-1812A	CH13	31,7	NOXH bán	1,014	19.182,878
397	NOXH 1	18	12B	E1-1812B	CH14	40,3	NOXH bán	1,014	19.182,878
398	NOXH 1	18	15	E1-1815	CH15	40,2	NOXH bán	0,999	18.899,108
399	NOXH 1	18	16	E1-1816	CH16	58,7	NOXH bán	1,029	19.466,649
400	NOXH 1	18	18	E1-1818	CH18	45,2	NOXH bán	1,009	19.088,288
401	NOXH 1	18	19	E1-1819	CH19	45,2	NOXH bán	1,009	19.088,288
402	NOXH 1	18	20	E1-1820	CH20	61,4	NOXH bán	1,019	19.277,468
403	NOXH 1	18	21	E1-1821	CH21	46,4	NOXH bán	1,009	19.088,288
404	NOXH 1	18	22	E1-1822	CH22	45,1	NOXH bán	1,009	19.088,288
405	NOXH 1	18	23	E1-1823	CH23	45,2	NOXH bán	1,009	19.088,288
406	NOXH 1	18	24	E1-1824	CH24	61,5	NOXH bán	1,019	19.277,468
407	NOXH 1	18	25	E1-1825	CH25	45,2	NOXH bán	0,999	18.899,108
408	NOXH 1	18	26	E1-1826	CH26	45,2	NOXH bán	0,999	18.899,108
409	NOXH 1	18	27	E1-1827	CH27	61,4	NOXH bán	1,009	19.088,288
410	NOXH 1	18	28	E1-1828	CH28	62,8	NOXH bán	1,029	19.466,649
411	NOXH 1	19	02	E1-1902	CH2	44,8	NOXH bán	0,979	18.520,747
412	NOXH 1	19	03	E1-1903	CH3	45,2	NOXH bán	0,989	18.709,928
413	NOXH 1	19	05	E1-1905	CH5	62,5	NOXH bán	1,009	19.088,288
414	NOXH 1	19	06	E1-1906	CH6	59,4	NOXH bán	0,999	18.899,108
415	NOXH 1	19	08	E1-1908	CH8	45,1	NOXH bán	0,994	18.804,518
416	NOXH 1	19	10	E1-1910	CH10	40,2	NOXH bán	0,969	18.331,567
417	NOXH 1	19	11	E1-1911	CH11	40,2	NOXH bán	0,969	18.331,567
418	NOXH 1	19	12	E1-1912	CH12	54,5	NOXH bán	0,979	18.520,747
419	NOXH 1	19	12A	E1-1912A	CH13	31,7	NOXH bán	0,984	18.615,338
420	NOXH 1	19	15	E1-1915	CH15	40,2	NOXH bán	0,969	18.331,567
421	NOXH 1	19	18	E1-1918	CH18	45,2	NOXH bán	0,979	18.520,747
422	NOXH 1	19	19	E1-1919	CH19	45,2	NOXH bán	0,979	18.520,747
423	NOXH 1	19	20	E1-1920	CH20	61,4	NOXH bán	0,989	18.709,928
424	NOXH 1	19	21	E1-1921	CH21	46,4	NOXH bán	0,979	18.520,747
425	NOXH 1	19	22	E1-1922	CH22	45,1	NOXH bán	0,979	18.520,747
426	NOXH 1	19	23	E1-1923	CH23	45,2	NOXH bán	0,979	18.520,747
427	NOXH 1	19	24	E1-1924	CH24	61,5	NOXH bán	0,989	18.709,928
428	NOXH 1	19	25	E1-1925	CH25	45,2	NOXH bán	0,969	18.331,567
429	NOXH 1	19	26	E1-1926	CH26	45,2	NOXH bán	0,969	18.331,567

PHỤ LỤC II - DANH SÁCH 398 CĂN HỘ NHÀ Ở XÃ HỘI HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI TÒA NOXH 2 (E2)

Kèm theo Báo cáo số 971 /2025/CV-TĐ ngày 28/10/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đức

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m ²)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (Ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Ki) (Đã gồm VAT)
1	NOXH 2	01	01	E2-0101	CH1	61,1	NOXH bán	1,097	20.753.075
2	NOXH 2	01	02	E2-0102	CH2	45,5	NOXH bán	1,098	20.771.993
3	NOXH 2	01	03	E2-0103	CH3	45,1	NOXH bán	1,098	20.771.993
4	NOXH 2	01	04	E2-0104	CH4	45,1	NOXH bán	1,098	20.771.993
5	NOXH 2	01	05	E2-0105	CH5	62,2	NOXH bán	1,120	21.188.189
6	NOXH 2	01	06	E2-0106	CH6	59	NOXH bán	1,097	20.753.075
7	NOXH 2	01	07	E2-0107	CH7	40,2	NOXH bán	1,065	20.147.698
8	NOXH 2	01	08	E2-0108	CH8	45,2	NOXH bán	1,092	20.658.484
9	NOXH 2	01	10	E2-0110	CH10	52,4	NOXH bán	1,065	20.147.698
10	NOXH 2	01	11	E2-0111	CH11	39,8	NOXH bán	1,065	20.147.698
11	NOXH 2	01	23	E2-0123	CH23	61	NOXH bán	1,109	20.980.091
12	NOXH 2	01	24	E2-0124	CH24	61	NOXH bán	1,109	20.980.091
13	NOXH 2	01	25	E2-0125	CH25	61	NOXH bán	1,097	20.753.075
14	NOXH 2	01	26	E2-0126	CH26	61	NOXH bán	1,097	20.753.075
15	NOXH 2	01	27	E2-0127	CH27	63,3	NOXH bán	1,120	21.188.189
16	NOXH 2	02	01	E2-0201	CH1	61,6	NOXH bán	0,978	18.501.829
17	NOXH 2	02	02	E2-0202	CH2	44,9	NOXH bán	0,993	18.785.600
18	NOXH 2	02	03	E2-0203	CH3	45,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
19	NOXH 2	02	04	E2-0204	CH4	45,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
20	NOXH 2	02	05	E2-0205	CH5	62,4	NOXH bán	0,997	18.861.272
21	NOXH 2	02	06	E2-0206	CH6	59,3	NOXH bán	0,978	18.501.829
22	NOXH 2	02	07	E2-0207	CH7	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
23	NOXH 2	02	08	E2-0208	CH8	45,2	NOXH bán	0,973	18.407.239
24	NOXH 2	02	09	E2-0209	CH9	54,5	NOXH bán	0,949	17.953.207
25	NOXH 2	02	10	E2-0210	CH10	41,4	NOXH bán	0,949	17.953.207
26	NOXH 2	02	11	E2-0211	CH11	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
27	NOXH 2	02	12	E2-0212	CH12	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
28	NOXH 2	02	12A	E2-0212A	CH13	31,7	NOXH bán	0,963	18.218.059
29	NOXH 2	02	12B	E2-0212B	CH14	40,3	NOXH bán	0,963	18.218.059
30	NOXH 2	02	15	E2-0215	CH15	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
31	NOXH 2	02	16	E2-0216	CH16	58,7	NOXH bán	0,978	18.501.829
32	NOXH 2	02	17	E2-0217	CH17	61,8	NOXH bán	0,997	18.861.272
33	NOXH 2	02	18	E2-0218	CH18	45,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
34	NOXH 2	02	19	E2-0219	CH19	45,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
35	NOXH 2	02	20	E2-0220	CH20	61,4	NOXH bán	1,002	18.955.862
36	NOXH 2	02	21	E2-0221	CH21	45	NOXH bán	0,978	18.501.829
37	NOXH 2	02	22	E2-0222	CH22	45	NOXH bán	0,978	18.501.829
38	NOXH 2	02	23	E2-0223	CH23	61,4	NOXH bán	0,988	18.691.010
39	NOXH 2	02	24	E2-0224	CH24	61,4	NOXH bán	0,988	18.691.010
40	NOXH 2	02	25	E2-0225	CH25	61,4	NOXH bán	0,978	18.501.829
41	NOXH 2	02	26	E2-0226	CH26	61,4	NOXH bán	0,978	18.501.829
42	NOXH 2	02	27	E2-0227	CH27	63,7	NOXH bán	0,997	18.861.272
43	NOXH 2	03	02	E2-0302	CH2	44,9	NOXH bán	0,993	18.785.600
44	NOXH 2	03	03	E2-0303	CH3	45,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
45	NOXH 2	03	05	E2-0305	CH5	62,4	NOXH bán	0,997	18.861.272
46	NOXH 2	03	06	E2-0306	CH6	59,3	NOXH bán	0,978	18.501.829
47	NOXH 2	03	08	E2-0308	CH8	45,2	NOXH bán	0,973	18.407.239
48	NOXH 2	03	09	E2-0309	CH9	54,5	NOXH bán	0,949	17.953.207
49	NOXH 2	03	10	E2-0310	CH10	41,4	NOXH bán	0,949	17.953.207
50	NOXH 2	03	11	E2-0311	CH11	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
51	NOXH 2	03	12	E2-0312	CH12	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
52	NOXH 2	03	15	E2-0315	CH15	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
53	NOXH 2	03	16	E2-0316	CH16	58,7	NOXH bán	0,978	18.501.829
54	NOXH 2	03	17	E2-0317	CH17	61,8	NOXH bán	0,997	18.861.272
55	NOXH 2	03	18	E2-0318	CH18	45,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
56	NOXH 2	03	19	E2-0319	CH19	45,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
57	NOXH 2	03	20	E2-0320	CH20	61,4	NOXH bán	1,002	18.955.862
58	NOXH 2	03	21	E2-0321	CH21	45	NOXH bán	0,978	18.501.829
59	NOXH 2	03	22	E2-0322	CH22	45	NOXH bán	0,978	18.501.829
60	NOXH 2	03	23	E2-0323	CH23	61,4	NOXH bán	0,988	18.691.010
61	NOXH 2	03	24	E2-0324	CH24	61,4	NOXH bán	0,988	18.691.010
62	NOXH 2	03	25	E2-0325	CH25	61,4	NOXH bán	0,978	18.501.829
63	NOXH 2	03	27	E2-0327	CH27	63,7	NOXH bán	0,997	18.861.272
64	NOXH 2	04	02	E2-0402	CH2	44,9	NOXH bán	0,993	18.785.600
65	NOXH 2	04	03	E2-0403	CH3	45,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
66	NOXH 2	04	05	E2-0405	CH5	62,4	NOXH bán	0,997	18.861.272
67	NOXH 2	04	06	E2-0406	CH6	59,3	NOXH bán	0,978	18.501.829
68	NOXH 2	04	08	E2-0408	CH8	45,2	NOXH bán	0,973	18.407.239
69	NOXH 2	04	09	E2-0409	CH9	54,5	NOXH bán	0,949	17.953.207
70	NOXH 2	04	10	E2-0410	CH10	41,4	NOXH bán	0,949	17.953.207

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m ²)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí (ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí (Bã gồm VAT)
71	NOXH 2	04	11	E2-0411	CH11	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
72	NOXH 2	04	15	E2-0415	CH15	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
73	NOXH 2	04	16	E2-0416	CH16	58,7	NOXH bđn	0,978	18.501.829
74	NOXH 2	04	20	E2-0420	CH20	61,4	NOXH bđn	1,002	18.955.862
75	NOXH 2	04	21	E2-0421	CH21	45	NOXH bđn	0,978	18.501.829
76	NOXH 2	04	22	E2-0422	CH22	45	NOXH bđn	0,978	18.501.829
77	NOXH 2	04	23	E2-0423	CH23	61,4	NOXH bđn	0,988	18.691.010
78	NOXH 2	04	24	E2-0424	CH24	61,4	NOXH bđn	0,988	18.691.010
79	NOXH 2	05	02	E2-0502	CH2	44,9	NOXH bđn	1,003	18.974.780
80	NOXH 2	05	03	E2-0503	CH3	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
81	NOXH 2	05	05	E2-0505	CH5	62,4	NOXH bđn	1,008	19.069.370
82	NOXH 2	05	06	E2-0506	CH6	59,3	NOXH bđn	0,988	18.691.010
83	NOXH 2	05	07	E2-0507	CH7	40,2	NOXH bđn	0,959	18.142.387
84	NOXH 2	05	08	E2-0508	CH8	45,2	NOXH bđn	0,983	18.596.420
85	NOXH 2	05	09	E2-0509	CH9	54,5	NOXH bđn	0,959	18.142.387
86	NOXH 2	05	10	E2-0510	CH10	41,4	NOXH bđn	0,959	18.142.387
87	NOXH 2	05	11	E2-0511	CH11	40,2	NOXH bđn	0,959	18.142.387
88	NOXH 2	05	12	E2-0512	CH12	40,2	NOXH bđn	0,959	18.142.387
89	NOXH 2	05	15	E2-0515	CH15	40,2	NOXH bđn	0,959	18.142.387
90	NOXH 2	05	16	E2-0516	CH16	58,7	NOXH bđn	0,988	18.691.010
91	NOXH 2	05	17	E2-0517	CH17	61,8	NOXH bđn	1,008	19.069.370
92	NOXH 2	05	18	E2-0518	CH18	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
93	NOXH 2	05	19	E2-0519	CH19	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
94	NOXH 2	05	20	E2-0520	CH20	61,4	NOXH bđn	1,013	19.163.960
95	NOXH 2	05	21	E2-0521	CH21	45	NOXH bđn	0,988	18.691.010
96	NOXH 2	05	22	E2-0522	CH22	45	NOXH bđn	0,988	18.691.010
97	NOXH 2	05	23	E2-0523	CH23	61,4	NOXH bđn	0,998	18.880.190
98	NOXH 2	05	24	E2-0524	CH24	61,4	NOXH bđn	0,998	18.880.190
99	NOXH 2	05	27	E2-0527	CH27	63,7	NOXH bđn	1,008	19.069.370
100	NOXH 2	06	02	E2-0602	CH2	44,9	NOXH bđn	1,013	19.163.960
101	NOXH 2	06	03	E2-0603	CH3	45,2	NOXH bđn	0,998	18.880.190
102	NOXH 2	06	05	E2-0605	CH5	62,4	NOXH bđn	1,008	19.069.370
103	NOXH 2	06	06	E2-0606	CH6	59,3	NOXH bđn	0,988	18.691.010
104	NOXH 2	06	07	E2-0607	CH7	40,2	NOXH bđn	0,959	18.142.387
105	NOXH 2	06	08	E2-0608	CH8	45,2	NOXH bđn	0,983	18.596.420
106	NOXH 2	06	09	E2-0609	CH9	54,5	NOXH bđn	0,959	18.142.387
107	NOXH 2	06	10	E2-0610	CH10	41,4	NOXH bđn	0,959	18.142.387
108	NOXH 2	06	11	E2-0611	CH11	40,2	NOXH bđn	0,959	18.142.387
109	NOXH 2	06	12	E2-0612	CH12	40,2	NOXH bđn	0,959	18.142.387
110	NOXH 2	06	15	E2-0615	CH15	40,2	NOXH bđn	0,959	18.142.387
111	NOXH 2	06	16	E2-0616	CH16	58,7	NOXH bđn	1,008	19.069.370
112	NOXH 2	06	17	E2-0617	CH17	61,8	NOXH bđn	1,028	19.447.731
113	NOXH 2	06	18	E2-0618	CH18	45,2	NOXH bđn	0,998	18.880.190
114	NOXH 2	06	19	E2-0619	CH19	45,2	NOXH bđn	0,998	18.880.190
115	NOXH 2	06	20	E2-0620	CH20	61,4	NOXH bđn	1,023	19.353.141
116	NOXH 2	06	21	E2-0621	CH21	45	NOXH bđn	0,998	18.880.190
117	NOXH 2	06	22	E2-0622	CH22	45	NOXH bđn	0,998	18.880.190
118	NOXH 2	06	23	E2-0623	CH23	61,4	NOXH bđn	1,008	19.069.370
119	NOXH 2	06	24	E2-0624	CH24	61,4	NOXH bđn	1,008	19.069.370
120	NOXH 2	06	27	E2-0627	CH27	63,7	NOXH bđn	1,018	19.258.550
121	NOXH 2	07	02	E2-0702	CH2	44,9	NOXH bđn	1,023	19.353.141
122	NOXH 2	07	03	E2-0703	CH3	45,2	NOXH bđn	1,008	19.069.370
123	NOXH 2	07	05	E2-0705	CH5	62,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550
124	NOXH 2	07	06	E2-0706	CH6	59,3	NOXH bđn	0,998	18.880.190
125	NOXH 2	07	07	E2-0707	CH7	40,2	NOXH bđn	0,968	18.312.649
126	NOXH 2	07	08	E2-0708	CH8	45,2	NOXH bđn	0,993	18.785.600
127	NOXH 2	07	09	E2-0709	CH9	54,5	NOXH bđn	0,968	18.312.649
128	NOXH 2	07	10	E2-0710	CH10	41,4	NOXH bđn	0,968	18.312.649
129	NOXH 2	07	11	E2-0711	CH11	40,2	NOXH bđn	0,968	18.312.649
130	NOXH 2	07	12	E2-0712	CH12	40,2	NOXH bđn	0,968	18.312.649
131	NOXH 2	07	15	E2-0715	CH15	40,2	NOXH bđn	0,968	18.312.649
132	NOXH 2	07	16	E2-0716	CH16	58,7	NOXH bđn	1,018	19.258.550
133	NOXH 2	07	17	E2-0717	CH17	61,8	NOXH bđn	1,038	19.636.911
134	NOXH 2	07	18	E2-0718	CH18	45,2	NOXH bđn	1,008	19.069.370
135	NOXH 2	07	19	E2-0719	CH19	45,2	NOXH bđn	1,008	19.069.370
136	NOXH 2	07	20	E2-0720	CH20	61,4	NOXH bđn	1,033	19.542.321
137	NOXH 2	07	21	E2-0721	CH21	45	NOXH bđn	1,008	19.069.370
138	NOXH 2	07	22	E2-0722	CH22	45	NOXH bđn	1,008	19.069.370
139	NOXH 2	07	23	E2-0723	CH23	61,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550
140	NOXH 2	07	24	E2-0724	CH24	61,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550
141	NOXH 2	07	27	E2-0727	CH27	63,7	NOXH bđn	1,028	19.447.731
142	NOXH 2	08	02	E2-0802	CH2	44,9	NOXH bđn	1,023	19.353.141
143	NOXH 2	08	03	E2-0803	CH3	45,2	NOXH bđn	1,008	19.069.370
144	NOXH 2	08	05	E2-0805	CH5	62,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (Ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Ki) (Đã gồm VAT)
145	NOXH 2	08	06	E2-0806	CH6	59,3	NOXH bán	0,998	18.880.190
146	NOXH 2	08	07	E2-0807	CH7	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
147	NOXH 2	08	08	E2-0808	CH8	45,2	NOXH bán	0,993	18.785.600
148	NOXH 2	08	09	E2-0809	CH9	54,5	NOXH bán	0,968	18.312.649
149	NOXH 2	08	10	E2-0810	CH10	41,4	NOXH bán	0,968	18.312.649
150	NOXH 2	08	11	E2-0811	CH11	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
151	NOXH 2	08	12	E2-0812	CH12	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
152	NOXH 2	08	15	E2-0815	CH15	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
153	NOXH 2	08	16	E2-0816	CH16	58,7	NOXH bán	1,018	19.258.550
154	NOXH 2	08	17	E2-0817	CH17	61,8	NOXH bán	1,038	19.636.911
155	NOXH 2	08	18	E2-0818	CH18	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
156	NOXH 2	08	19	E2-0819	CH19	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
157	NOXH 2	08	20	E2-0820	CH20	61,4	NOXH bán	1,033	19.542.321
158	NOXH 2	08	21	E2-0821	CH21	45	NOXH bán	1,008	19.069.370
159	NOXH 2	08	22	E2-0822	CH22	45	NOXH bán	1,008	19.069.370
160	NOXH 2	08	23	E2-0823	CH23	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
161	NOXH 2	08	24	E2-0824	CH24	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
162	NOXH 2	08	27	E2-0827	CH27	63,7	NOXH bán	1,028	19.447.731
163	NOXH 2	09	02	E2-0902	CH2	44,9	NOXH bán	1,023	19.353.141
164	NOXH 2	09	03	E2-0903	CH3	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
165	NOXH 2	09	05	E2-0905	CH5	62,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
166	NOXH 2	09	06	E2-0906	CH6	59,3	NOXH bán	0,998	18.880.190
167	NOXH 2	09	07	E2-0907	CH7	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
168	NOXH 2	09	08	E2-0908	CH8	45,2	NOXH bán	0,993	18.785.600
169	NOXH 2	09	09	E2-0909	CH9	54,5	NOXH bán	0,968	18.312.649
170	NOXH 2	09	10	E2-0910	CH10	41,4	NOXH bán	0,968	18.312.649
171	NOXH 2	09	11	E2-0911	CH11	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
172	NOXH 2	09	12	E2-0912	CH12	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
173	NOXH 2	09	15	E2-0915	CH15	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
174	NOXH 2	09	16	E2-0916	CH16	58,7	NOXH bán	1,018	19.258.550
175	NOXH 2	09	17	E2-0917	CH17	61,8	NOXH bán	1,038	19.636.911
176	NOXH 2	09	18	E2-0918	CH18	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
177	NOXH 2	09	19	E2-0919	CH19	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
178	NOXH 2	09	20	E2-0920	CH20	61,4	NOXH bán	1,033	19.542.321
179	NOXH 2	09	21	E2-0921	CH21	45	NOXH bán	1,008	19.069.370
180	NOXH 2	09	22	E2-0922	CH22	45	NOXH bán	1,008	19.069.370
181	NOXH 2	09	23	E2-0923	CH23	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
182	NOXH 2	09	24	E2-0924	CH24	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
183	NOXH 2	09	27	E2-0927	CH27	63,7	NOXH bán	1,028	19.447.731
184	NOXH 2	10	02	E2-1002	CH2	44,9	NOXH bán	1,023	19.353.141
185	NOXH 2	10	03	E2-1003	CH3	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
186	NOXH 2	10	05	E2-1005	CH5	62,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
187	NOXH 2	10	06	E2-1006	CH6	59,3	NOXH bán	0,998	18.880.190
188	NOXH 2	10	07	E2-1007	CH7	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
189	NOXH 2	10	08	E2-1008	CH8	45,2	NOXH bán	0,993	18.785.600
190	NOXH 2	10	09	E2-1009	CH9	54,5	NOXH bán	0,968	18.312.649
191	NOXH 2	10	10	E2-1010	CH10	41,4	NOXH bán	0,968	18.312.649
192	NOXH 2	10	11	E2-1011	CH11	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
193	NOXH 2	10	12	E2-1012	CH12	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
194	NOXH 2	10	15	E2-1015	CH15	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
195	NOXH 2	10	16	E2-1016	CH16	58,7	NOXH bán	1,018	19.258.550
196	NOXH 2	10	17	E2-1017	CH17	61,8	NOXH bán	1,038	19.636.911
197	NOXH 2	10	18	E2-1018	CH18	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
198	NOXH 2	10	19	E2-1019	CH19	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
199	NOXH 2	10	20	E2-1020	CH20	61,4	NOXH bán	1,033	19.542.321
200	NOXH 2	10	21	E2-1021	CH21	45	NOXH bán	1,008	19.069.370
201	NOXH 2	10	22	E2-1022	CH22	45	NOXH bán	1,008	19.069.370
202	NOXH 2	10	23	E2-1023	CH23	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
203	NOXH 2	10	24	E2-1024	CH24	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
204	NOXH 2	10	27	E2-1027	CH27	63,7	NOXH bán	1,028	19.447.731
205	NOXH 2	11	02	E2-1102	CH2	44,9	NOXH bán	1,023	19.353.141
206	NOXH 2	11	03	E2-1103	CH3	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370
207	NOXH 2	11	05	E2-1105	CH5	62,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
208	NOXH 2	11	06	E2-1106	CH6	59,3	NOXH bán	0,998	18.880.190
209	NOXH 2	11	07	E2-1107	CH7	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
210	NOXH 2	11	08	E2-1108	CH8	45,2	NOXH bán	0,993	18.785.600
211	NOXH 2	11	09	E2-1109	CH9	54,5	NOXH bán	0,968	18.312.649
212	NOXH 2	11	10	E2-1110	CH10	41,4	NOXH bán	0,968	18.312.649
213	NOXH 2	11	11	E2-1111	CH11	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
214	NOXH 2	11	12	E2-1112	CH12	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
215	NOXH 2	11	15	E2-1115	CH15	40,2	NOXH bán	0,968	18.312.649
216	NOXH 2	11	16	E2-1116	CH16	58,7	NOXH bán	1,018	19.258.550
217	NOXH 2	11	17	E2-1117	CH17	61,8	NOXH bán	1,038	19.636.911
218	NOXH 2	11	18	E2-1118	CH18	45,2	NOXH bán	1,008	19.069.370



STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí i (ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Vnđ gồm VAT)
219	NOXH 2	11	19	E2-1119	CH19	45,2	NOXH bđn	1,008	19.069.370
220	NOXH 2	11	20	E2-1120	CH20	61,4	NOXH bđn	1,033	19.542.321
221	NOXH 2	11	21	E2-1121	CH21	45	NOXH bđn	1,008	19.069.370
222	NOXH 2	11	22	E2-1122	CH22	45	NOXH bđn	1,008	19.069.370
223	NOXH 2	11	23	E2-1123	CH23	61,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550
224	NOXH 2	11	24	E2-1124	CH24	61,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550
225	NOXH 2	11	26	E2-1126	CH26	61,4	NOXH bđn	1,008	19.069.370
226	NOXH 2	11	27	E2-1127	CH27	63,7	NOXH bđn	1,028	19.447.731
227	NOXH 2	12	02	E2-1202	CH2	44,9	NOXH bđn	1,023	19.353.141
228	NOXH 2	12	03	E2-1203	CH3	45,2	NOXH bđn	1,008	19.069.370
229	NOXH 2	12	05	E2-1205	CH5	62,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550
230	NOXH 2	12	06	E2-1206	CH6	59,3	NOXH bđn	0,998	18.880.190
231	NOXH 2	12	07	E2-1207	CH7	40,2	NOXH bđn	0,968	18.312.649
232	NOXH 2	12	08	E2-1208	CH8	45,2	NOXH bđn	0,993	18.785.600
233	NOXH 2	12	09	E2-1209	CH9	54,5	NOXH bđn	0,968	18.312.649
234	NOXH 2	12	10	E2-1210	CH10	41,4	NOXH bđn	0,968	18.312.649
235	NOXH 2	12	11	E2-1211	CH11	40,2	NOXH bđn	0,968	18.312.649
236	NOXH 2	12	12	E2-1212	CH12	40,2	NOXH bđn	0,968	18.312.649
237	NOXH 2	12	15	E2-1215	CH15	40,2	NOXH bđn	0,968	18.312.649
238	NOXH 2	12	16	E2-1216	CH16	58,7	NOXH bđn	1,018	19.258.550
239	NOXH 2	12	17	E2-1217	CH17	61,8	NOXH bđn	1,038	19.636.911
240	NOXH 2	12	18	E2-1218	CH18	45,2	NOXH bđn	1,008	19.069.370
241	NOXH 2	12	19	E2-1219	CH19	45,2	NOXH bđn	1,008	19.069.370
242	NOXH 2	12	20	E2-1220	CH20	61,4	NOXH bđn	1,033	19.542.321
243	NOXH 2	12	21	E2-1221	CH21	45	NOXH bđn	1,008	19.069.370
244	NOXH 2	12	22	E2-1222	CH22	45	NOXH bđn	1,008	19.069.370
245	NOXH 2	12	23	E2-1223	CH23	61,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550
246	NOXH 2	12	24	E2-1224	CH24	61,4	NOXH bđn	1,018	19.258.550
247	NOXH 2	12	26	E2-1226	CH26	61,4	NOXH bđn	1,008	19.069.370
248	NOXH 2	12	27	E2-1227	CH27	63,7	NOXH bđn	1,028	19.447.731
249	NOXH 2	12A	02	E2-12A02	CH2	44,9	NOXH bđn	1,003	18.974.780
250	NOXH 2	12A	03	E2-12A03	CH3	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
251	NOXH 2	12A	05	E2-12A05	CH5	62,4	NOXH bđn	0,997	18.861.272
252	NOXH 2	12A	06	E2-12A06	CH6	59,3	NOXH bđn	0,978	18.501.829
253	NOXH 2	12A	07	E2-12A07	CH7	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
254	NOXH 2	12A	08	E2-12A08	CH8	45,2	NOXH bđn	0,973	18.407.239
255	NOXH 2	12A	09	E2-12A09	CH9	54,5	NOXH bđn	0,949	17.953.207
256	NOXH 2	12A	10	E2-12A10	CH10	41,4	NOXH bđn	0,949	17.953.207
257	NOXH 2	12A	11	E2-12A11	CH11	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
258	NOXH 2	12A	12	E2-12A12	CH12	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
259	NOXH 2	12A	15	E2-12A15	CH15	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
260	NOXH 2	12A	16	E2-12A16	CH16	58,7	NOXH bđn	0,997	18.861.272
261	NOXH 2	12A	17	E2-12A17	CH17	61,8	NOXH bđn	1,018	19.258.550
262	NOXH 2	12A	18	E2-12A18	CH18	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
263	NOXH 2	12A	19	E2-12A19	CH19	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
264	NOXH 2	12A	20	E2-12A20	CH20	61,4	NOXH bđn	1,013	19.163.960
265	NOXH 2	12A	21	E2-12A21	CH21	45	NOXH bđn	0,988	18.691.010
266	NOXH 2	12A	22	E2-12A22	CH22	45	NOXH bđn	0,988	18.691.010
267	NOXH 2	12A	23	E2-12A23	CH23	61,4	NOXH bđn	0,998	18.880.190
268	NOXH 2	12A	24	E2-12A24	CH24	61,4	NOXH bđn	0,998	18.880.190
269	NOXH 2	12A	27	E2-12A27	CH27	63,7	NOXH bđn	1,008	19.069.370
270	NOXH 2	12B	02	E2-12B02	CH2	44,9	NOXH bđn	1,003	18.974.780
271	NOXH 2	12B	03	E2-12B03	CH3	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
272	NOXH 2	12B	05	E2-12B05	CH5	62,4	NOXH bđn	0,997	18.861.272
273	NOXH 2	12B	06	E2-12B06	CH6	59,3	NOXH bđn	0,978	18.501.829
274	NOXH 2	12B	07	E2-12B07	CH7	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
275	NOXH 2	12B	08	E2-12B08	CH8	45,2	NOXH bđn	0,973	18.407.239
276	NOXH 2	12B	09	E2-12B09	CH9	54,5	NOXH bđn	0,949	17.953.207
277	NOXH 2	12B	10	E2-12B10	CH10	41,4	NOXH bđn	0,949	17.953.207
278	NOXH 2	12B	11	E2-12B11	CH11	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
279	NOXH 2	12B	12	E2-12B12	CH12	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
280	NOXH 2	12B	15	E2-12B15	CH15	40,2	NOXH bđn	0,949	17.953.207
281	NOXH 2	12B	16	E2-12B16	CH16	58,7	NOXH bđn	0,997	18.861.272
282	NOXH 2	12B	17	E2-12B17	CH17	61,8	NOXH bđn	1,018	19.258.550
283	NOXH 2	12B	18	E2-12B18	CH18	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
284	NOXH 2	12B	19	E2-12B19	CH19	45,2	NOXH bđn	0,988	18.691.010
285	NOXH 2	12B	20	E2-12B20	CH20	61,4	NOXH bđn	1,013	19.163.960
286	NOXH 2	12B	21	E2-12B21	CH21	45	NOXH bđn	0,988	18.691.010
287	NOXH 2	12B	22	E2-12B22	CH22	45	NOXH bđn	0,988	18.691.010
288	NOXH 2	12B	23	E2-12B23	CH23	61,4	NOXH bđn	0,998	18.880.190
289	NOXH 2	12B	24	E2-12B24	CH24	61,4	NOXH bđn	0,998	18.880.190
290	NOXH 2	12B	27	E2-12B27	CH27	63,7	NOXH bđn	1,008	19.069.370
291	NOXH 2	15	02	E2-1502	CH2	44,9	NOXH bđn	1,033	19.542.321
292	NOXH 2	15	03	E2-1503	CH3	45,2	NOXH bđn	1,018	19.258.550

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (Ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Ki) (Đã gồm VAT)
293	NOXH 2	15	05	E2-1505	CH5	62,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
294	NOXH 2	15	06	E2-1506	CH6	59,3	NOXH bán	1,008	19.069.370
295	NOXH 2	15	07	E2-1507	CH7	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
296	NOXH 2	15	08	E2-1508	CH8	45,2	NOXH bán	1,003	18.974.780
297	NOXH 2	15	09	E2-1509	CH9	54,5	NOXH bán	0,978	18.501.829
298	NOXH 2	15	10	E2-1510	CH10	41,4	NOXH bán	0,978	18.501.829
299	NOXH 2	15	11	E2-1511	CH11	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
300	NOXH 2	15	12	E2-1512	CH12	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
301	NOXH 2	15	15	E2-1515	CH15	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
302	NOXH 2	15	16	E2-1516	CH16	58,7	NOXH bán	1,028	19.447.731
303	NOXH 2	15	17	E2-1517	CH17	61,8	NOXH bán	1,049	19.845.009
304	NOXH 2	15	18	E2-1518	CH18	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
305	NOXH 2	15	19	E2-1519	CH19	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
306	NOXH 2	15	20	E2-1520	CH20	61,4	NOXH bán	1,044	19.750.419
307	NOXH 2	15	21	E2-1521	CH21	45	NOXH bán	1,018	19.258.550
308	NOXH 2	15	22	E2-1522	CH22	45	NOXH bán	1,018	19.258.550
309	NOXH 2	15	23	E2-1523	CH23	61,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
310	NOXH 2	15	24	E2-1524	CH24	61,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
311	NOXH 2	15	26	E2-1526	CH26	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
312	NOXH 2	15	27	E2-1527	CH27	63,7	NOXH bán	1,038	19.636.911
313	NOXH 2	16	02	E2-1602	CH2	44,9	NOXH bán	1,033	19.542.321
314	NOXH 2	16	03	E2-1603	CH3	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
315	NOXH 2	16	05	E2-1605	CH5	62,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
316	NOXH 2	16	06	E2-1606	CH6	59,3	NOXH bán	1,008	19.069.370
317	NOXH 2	16	07	E2-1607	CH7	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
318	NOXH 2	16	08	E2-1608	CH8	45,2	NOXH bán	1,003	18.974.780
319	NOXH 2	16	09	E2-1609	CH9	54,5	NOXH bán	0,978	18.501.829
320	NOXH 2	16	10	E2-1610	CH10	41,4	NOXH bán	0,978	18.501.829
321	NOXH 2	16	11	E2-1611	CH11	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
322	NOXH 2	16	12	E2-1612	CH12	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
323	NOXH 2	16	15	E2-1615	CH15	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
324	NOXH 2	16	16	E2-1616	CH16	58,7	NOXH bán	1,028	19.447.731
325	NOXH 2	16	17	E2-1617	CH17	61,8	NOXH bán	1,049	19.845.009
326	NOXH 2	16	18	E2-1618	CH18	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
327	NOXH 2	16	19	E2-1619	CH19	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
328	NOXH 2	16	20	E2-1620	CH20	61,4	NOXH bán	1,044	19.750.419
329	NOXH 2	16	21	E2-1621	CH21	45	NOXH bán	1,018	19.258.550
330	NOXH 2	16	22	E2-1622	CH22	45	NOXH bán	1,018	19.258.550
331	NOXH 2	16	23	E2-1623	CH23	61,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
332	NOXH 2	16	24	E2-1624	CH24	61,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
333	NOXH 2	16	26	E2-1626	CH26	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
334	NOXH 2	16	27	E2-1627	CH27	63,7	NOXH bán	1,038	19.636.911
335	NOXH 2	17	02	E2-1702	CH2	44,9	NOXH bán	1,033	19.542.321
336	NOXH 2	17	03	E2-1703	CH3	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
337	NOXH 2	17	05	E2-1705	CH5	62,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
338	NOXH 2	17	06	E2-1706	CH6	59,3	NOXH bán	1,008	19.069.370
339	NOXH 2	17	07	E2-1707	CH7	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
340	NOXH 2	17	08	E2-1708	CH8	45,2	NOXH bán	1,003	18.974.780
341	NOXH 2	17	09	E2-1709	CH9	54,5	NOXH bán	0,978	18.501.829
342	NOXH 2	17	10	E2-1710	CH10	41,4	NOXH bán	0,978	18.501.829
343	NOXH 2	17	11	E2-1711	CH11	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
344	NOXH 2	17	12	E2-1712	CH12	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
345	NOXH 2	17	15	E2-1715	CH15	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
346	NOXH 2	17	16	E2-1716	CH16	58,7	NOXH bán	1,028	19.447.731
347	NOXH 2	17	17	E2-1717	CH17	61,8	NOXH bán	1,049	19.845.009
348	NOXH 2	17	18	E2-1718	CH18	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
349	NOXH 2	17	19	E2-1719	CH19	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
350	NOXH 2	17	20	E2-1720	CH20	61,4	NOXH bán	1,044	19.750.419
351	NOXH 2	17	21	E2-1721	CH21	45	NOXH bán	1,018	19.258.550
352	NOXH 2	17	22	E2-1722	CH22	45	NOXH bán	1,018	19.258.550
353	NOXH 2	17	23	E2-1723	CH23	61,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
354	NOXH 2	17	24	E2-1724	CH24	61,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
355	NOXH 2	17	27	E2-1727	CH27	63,7	NOXH bán	1,038	19.636.911
356	NOXH 2	18	02	E2-1802	CH2	44,9	NOXH bán	1,033	19.542.321
357	NOXH 2	18	03	E2-1803	CH3	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
358	NOXH 2	18	05	E2-1805	CH5	62,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
359	NOXH 2	18	06	E2-1806	CH6	59,3	NOXH bán	1,008	19.069.370
360	NOXH 2	18	07	E2-1807	CH7	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
361	NOXH 2	18	08	E2-1808	CH8	45,2	NOXH bán	1,003	18.974.780
362	NOXH 2	18	09	E2-1809	CH9	54,5	NOXH bán	0,978	18.501.829
363	NOXH 2	18	10	E2-1810	CH10	41,4	NOXH bán	0,978	18.501.829
364	NOXH 2	18	11	E2-1811	CH11	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
365	NOXH 2	18	12	E2-1812	CH12	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829
366	NOXH 2	18	15	E2-1815	CH15	40,2	NOXH bán	0,978	18.501.829





Ghi chú:

- Giá bán nhà ở xã hội (trước khi điều chỉnh hệ số tại vị trí thứ 1 (KI): 18.918.026 đồng/m² sử dụng (Mười tám triệu, chín trăm mười tám nghìn, không trăm hai mươi mét vuông sử dụng). Đã bao gồm Thuế Giá trị gia tăng (VAT) và chưa bao gồm kinh phí bảo trì.
- Giá bán được điều chỉnh theo vị trí căn hộ bởi hệ số KI đảm bảo nguyên tắc lợi nhuận thu được không vượt quá lợi nhuận định mức tính cho dự án.

STT	Tòa	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu căn hộ	Diện tích căn hộ (m ²)	Loại căn hộ	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ 1 (KI)	Giá bán căn hộ tại vị (Đã gồm VAT)
367	NOXH 2	18	16	E2-1816	CH16	58,7	NOXH bán	1,028	19.447.731
368	NOXH 2	18	17	E2-1817	CH17	61,8	NOXH bán	1,049	19.845.009
369	NOXH 2	18	18	E2-1818	CH18	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
370	NOXH 2	18	19	E2-1819	CH19	45,2	NOXH bán	1,018	19.258.550
371	NOXH 2	18	20	E2-1820	CH20	61,4	NOXH bán	1,044	19.750.419
372	NOXH 2	18	21	E2-1821	CH21	45	NOXH bán	1,018	19.258.550
373	NOXH 2	18	22	E2-1822	CH22	45	NOXH bán	1,018	19.258.550
374	NOXH 2	18	23	E2-1823	CH23	61,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
375	NOXH 2	18	24	E2-1824	CH24	61,4	NOXH bán	1,028	19.447.731
376	NOXH 2	18	26	E2-1826	CH26	61,4	NOXH bán	1,018	19.258.550
377	NOXH 2	18	27	E2-1827	CH27	63,7	NOXH bán	1,038	19.636.911
378	NOXH 2	19	02	E2-1902	CH2	44,9	NOXH bán	1,003	18.974.780
379	NOXH 2	19	03	E2-1903	CH3	45,2	NOXH bán	0,988	18.691.010
380	NOXH 2	19	05	E2-1905	CH5	62,4	NOXH bán	0,997	18.861.272
381	NOXH 2	19	06	E2-1906	CH6	59,3	NOXH bán	0,978	18.501.829
382	NOXH 2	19	07	E2-1907	CH7	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
383	NOXH 2	19	08	E2-1908	CH8	45,2	NOXH bán	0,973	18.407.239
384	NOXH 2	19	09	E2-1909	CH9	54,5	NOXH bán	0,949	17.953.207
385	NOXH 2	19	10	E2-1910	CH10	41,4	NOXH bán	0,949	17.953.207
386	NOXH 2	19	11	E2-1911	CH11	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
387	NOXH 2	19	12	E2-1912	CH12	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
388	NOXH 2	19	15	E2-1915	CH15	40,2	NOXH bán	0,949	17.953.207
389	NOXH 2	19	16	E2-1916	CH16	58,7	NOXH bán	0,997	18.861.272
390	NOXH 3	19	17	E2-1917	CH17	61,8	NOXH bán	1,018	19.258.550
391	NOXH 4	19	18	E2-1918	CH18	45,2	NOXH bán	0,988	18.691.010
392	NOXH 5	19	19	E2-1919	CH19	45,2	NOXH bán	0,988	18.691.010
393	NOXH 6	19	20	E2-1920	CH20	61,4	NOXH bán	1,013	19.163.960
394	NOXH 7	19	21	E2-1921	CH21	45	NOXH bán	0,988	18.691.010
395	NOXH 8	19	22	E2-1922	CH22	45	NOXH bán	0,988	18.691.010
396	NOXH 9	19	23	E2-1923	CH23	61,4	NOXH bán	0,998	18.880.190
397	NOXH 10	19	24	E2-1924	CH24	61,4	NOXH bán	0,998	18.880.190
398	NOXH 13	19	27	E2-1927	CH27	63,7	NOXH bán	1,008	19.069.370